

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2017/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2017 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Đình P, sinh năm: 1973 (có mặt)

HKTT: Tổ 12, khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố K, phường Kim D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Nguyễn Đình P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Q quen biết nhau vào năm 1999, sau đó phát sinh tình cảm, quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2001, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành

phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/KH/TP quyền số 01/2001 ngày 11 tháng 01 năm 2001. Hôn nhân giữa ông và bà Q là hoàn toàn tự nguyện.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng về quan điểm sống, bà Q thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù ông đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc hôn nhân nhưng không có kết quả. Ông và bà Q đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi ly thân cả hai không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay ông không còn tình cảm với bà Q nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà Q có ba người con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 04/9/2002; Nguyễn Đức H, sinh ngày: 18/3/2004 và Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 17/6/2007. Hiện cháu T và cháu H đang ở với ông, cháu M đang ở với bà Q.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và H, bà Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bà Q để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử, tuy nhiên bà Q vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ, bị đơn không thực hiện chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Đình P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Q và giải quyết vấn đề về con chung giữa ông và bà Q. Do vậy xác định vụ việc trên thuộc quan hệ về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng bà Q vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P:

- Về yêu cầu xin ly hôn: Ông P và bà Nguyễn Thị Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông P và bà Q là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông P thì sau khi kết hôn ông và bà Q chung sống hạnh phúc cho đến năm 2009 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà Q thiếu trách nhiệm với gia đình. Từ năm 2016 cho đến nay ông bà sống ly thân.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng đối với ông P và bà Q thì do mâu thuẫn nên cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn và phải sống ly thân. Mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bà Q nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử với mục đích tạo điều kiện cho ông P và bà Q quay về chung sống đoàn tụ cùng nhau nhưng bà Q đã không có mặt, điều đó thể hiện bà Q không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa ông P và bà Q đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, do đó yêu cầu xin ly hôn của ông P là có cơ sở nên được chấp nhận.

-Về con chung: Ông P và bà Q có 03 người con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 04/9/2002; Nguyễn Đức H, sinh ngày 18/3/2004, hiện đang ở với ông P và cháu Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 17/6/2007, hiện đang ở với bà Q. Ông P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và H; giao cháu M cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông P và bà Q không cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con của ông P thì ông P là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T và cháu H. Bà Q khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã biết được yêu cầu của ông P về việc giao cháu M cho bà trực tiếp nuôi dưỡng vẫn không có ý kiến gì. Do đó yêu cầu của ông P về vấn đề con chung và cấp dưỡng là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

-Về tài sản chung, nợ chung: Ông P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với bà Q khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã không có ý kiến gì về việc này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Ngọc Q được ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đình P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 04/9/2002 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 18/3/2004; Bà Nguyễn Thị Ngọc Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 17/6/2007 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ông P và bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Ngọc Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí là lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Đình P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007531 ngày 27/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy ông P đã nộp xong án phí.

2. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/3/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thương